

# Mô hình bệnh tật bệnh nhân điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018-2020

DISEASE MODEL OF OUTPATIENT TREATMENT AT PHU THO PROVINCE TRADITIONAL MEDICINE AND REHABILITATION HOSPITAL FROM 2018-2020

Đào Đình Quang, Phùng Văn Tân, Nguyễn Cao Phi, Hoàng Kim Khánh

Bệnh viện Y Dược cổ truyền & Phục hồi Chức năng tỉnh Phú Thọ

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Khảo sát mô hình bệnh tật theo ICD-10 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ trong 03 năm từ năm 2018-2020.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu điều tra qua các “Báo cáo Thống kê bệnh viện” của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ 2018-2020 và báo cáo tổng kết cuối năm.

**Kết quả:** Nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm tỷ lệ cao nhất trong 3 năm, chiếm 22,58%; nhóm bệnh xếp thứ 2 là nhóm bệnh của hệ tuần hoàn chiếm 18,48%; nhóm bệnh xếp thứ 3 là nhóm bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá chiếm 14,06%. Mười bệnh thường gặp gồm: Bệnh đái đường; Tăng huyết áp; Cơ thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan luôn có số người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú ngoài nhất, tiếp sau lần lượt là các nhóm bệnh: Viêm viêm khớp; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Viêm họng và viêm amidan, ...

**Từ khóa:** Mô hình bệnh tật ngoại trú, y dược cổ truyền Phú Thọ

## ABSTRACT

**Objectives:** Surveying the ICD-10-based disease model of outpatient treatment at Phu Tho Provincial Hospital of Traditional Medicine and Rehabilitation for 3 years from 2018-2020.

**Research subjects and methods:** The retrospective study through the “Hospital Statistics Reports” of Phu Tho Province Traditional Medicine and Rehabilitation Hospital from 2018-2020 and the year-end summary report.

**Results:** The group of diseases of the musculoskeletal system and connective tissue accounted for the highest rate in 3 years, making up 22.58%; followed by the group of diseases of the circulatory system, accounting for 18.48%; the third-ranked group of diseases is the group of endocrine, nutritional and metabolic diseases, accounting for 14.06%. The ten common diseases include: Diabetes; Hypertension; Transient ischemic attack and related syndromes; in the common diseases, the Hospital always have the most outpatient visits and treatment, followed by the groups of diseases: Arthritis; Bronchitis and acute bronchiolitis; Pharyngitis and tonsillitis...

**Keywords:** Disease model of outpatients, Phu Tho Province Traditional Medicine and Rehabilitation Hospital.

Ngày nhận bài: 25/3/2022

Ngày phản biện: 8/4/2022

Ngày chấp nhận đăng: 25/4/2022



## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Mô hình bệnh tật của một khu vực, một quốc gia thay đổi, tương ứng với điều kiện sống, nền kinh tế và sự phát triển khoa học kỹ thuật.

Nghiên cứu mô hình bệnh tật để xác định nhu cầu khám chữa bệnh của người dân biến động ra sao qua các năm? Mô hình bệnh tật ở đây có đặc điểm gì? Cần chú ý đến những bệnh gì? Năng lực của bệnh viện đáp ứng với nhu cầu cũng như xu hướng thay đổi mô hình bệnh tật ra sao? Từ các kết quả này, một phần giúp Lãnh đạo bệnh viện vạch ra kế hoạch, đổi mới tổ chức quản lý phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện. Với những câu hỏi đặt ra ở trên cùng với thực tế bệnh viện, chúng tôi bước đầu sử dụng những nguồn số liệu báo cáo thống kê hàng năm của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018 đến năm 2020 để tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Mô hình bệnh tật điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ 2018 - 2020”** với mục tiêu: *Xác định mô hình bệnh tật theo ICD-10 qua số bệnh nhân khám chữa bệnh ngoại trú tại khoa khám bệnh đa khoa, Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018 - 2020.*

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **Đối tượng nghiên cứu**

- Báo cáo thống kê của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ trong 3 năm (2018-2020).

- Đánh giá:

1. Mô hình bệnh tật theo ICD 10 ở khoa khám bệnh.

2. Năm nhóm bệnh có BN đến khám nhiều nhất tại bệnh viện.

3. Mười bệnh thường gặp ở phòng khám khoa khám bệnh bệnh viện.

### **Phương pháp nghiên cứu**

- Nghiên cứu hồi cứu điều tra qua các “Báo cáo Thống kê bệnh viện” của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ trong 3 năm (2018-2020), báo cáo tổng kết cuối năm.

- Phương pháp thu thập thông tin: Chúng tôi sử dụng “Báo cáo thống kê bệnh viện” hàng năm (được ban hành theo Quyết định số 2360/1997/QĐ-BYT, ngày 14/11/1997 - Bộ Y tế) [1] của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ để tiến hành nghiên cứu. Mỗi Báo cáo thống kê có 16 biểu, chúng tôi sử dụng biểu 11 (Trong phân tích mô hình bệnh tật, biểu 11 được sử dụng là bảng phân loại theo ICD 10, gồm 21 chương bệnh và 312 bệnh (xem phụ lục) là cách phân loại thường dùng nhất hiện nay trong thống kê y học. Thông qua phân tích mô hình bệnh tật cho chúng ta đánh giá bước đầu về nhu cầu KCB ở Bệnh viện Y Dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ của người dân. Từ đó, trên cơ sở phân tích, đánh giá sẽ cho chúng ta cái nhìn toàn diện về tình hình bệnh tật của bệnh viện.

- Sau khi thu thập được các thông tin từ các “Báo cáo thống kê bệnh viện”, đã kiểm tra các biểu mẫu phù hợp với các tiêu chuẩn Bộ Y tế ban hành. Những biểu mẫu không đạt yêu cầu báo cáo sẽ không được sử dụng trong nghiên cứu này.

### **Nguồn số liệu và phương pháp thống kê**

- Nguồn số liệu:

+ Các “Báo cáo Thống kê bệnh viện”

+ Hồ sơ bệnh án của các khoa phòng của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ trong 3 năm (2018 - 2020)

- Phương pháp thống kê y sinh học, tổng hợp, phân tích định tính.

### **Khống chế sai số**

- Những sai số do từ số không chính xác: Kiểm

tra, đối chiếu các biểu trong báo cáo để phát hiện những số liệu bất hợp lý.

- Những sai số do mẫu số không chính xác: Các số liệu bệnh nhân được lấy theo báo cáo thống kê bệnh nhân đến khám chính thức trong năm.

### Đạo đức nghiên cứu

- Được sự đồng ý của Hội đồng khoa học Bệnh viện Y Dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ

- Không sử dụng số liệu và thông tin của từng cá nhân mà sử dụng số liệu thống kê các hoạt động

y tế của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ theo mẫu do Bộ Y tế đã ban hành.

- Nghiên cứu đã sử dụng trung thực các số liệu có trong báo cáo sau khi kiểm tra các sai số.

### Phân tích và xử lý số liệu

- Số liệu nghiên cứu được phân tích và xử lý thống kê thông qua phần mềm EXCEL theo phương pháp tổng hợp, phân tích định tính.

## KẾT QUẢ

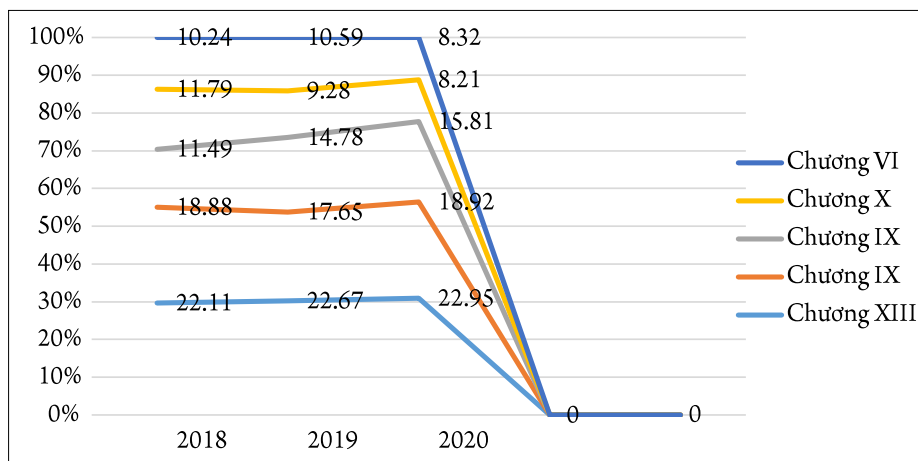
Bảng 1. Mô hình bệnh tật theo ICD-10 tại khoa khám bệnh

Chương bệnh	2018		2019		2020		Chung 3 năm	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	470	119	322	0,79	295	0,71	1.087	0,89
II	549	1,39	201	0,49	202	0,49	952	0,78
III	45	0,11	12	0,03	21	0,05	78	0,06
IV	4.544	11,49	6.010	14,78	6.533	15,81	17.087	14,06
V	304	0,77	98	0,24	75	0,18	477	0,39
VI	4.051	10,24	4.305	10,59	3436	8,32	11.792	9,70
VII	995	2,52	1.003	2,47	962	2,33	2.960	2,44
VIII	265	0,67	210	0,52	384	0,93	859	0,71
IX	7.467	18,88	7.177	17,65	7.817	18,92	22.461	18,48
X	4.664	11,79	3.771	9,28	3.392	8,21	11.827	9,73
XI	3.700	9,35	3.182	7,83	3.134	7,58	10.016	8,24
XII	573	1,45	488	1,20	359	0,87	1.420	1,17
XIII	8.746	22,11	9.217	22,67	9.485	22,95	27.448	22,58
XIV	1.529	3,87	656	1,61	637	1,54	2.822	2,32
XV	25	0,06	23	0,06	21	0,05	69	0,06
XVI	25	0,06	1	0,00	1	0	27	0,02
XVII	26	0,07	0	0,00	3	0,01	29	0,02
XVIII	774	1,96	3.157	7,77	3.276	7,93	7.207	5,93
XIX	776	1,96	800	1,97	1.276	3,09	2.852	2,35
XX	15	0,04	16	0,04	20	0,05	51	0,04
XXI	10	0,03	3	0,01	3	0,01	16	0,01
<b>Tổng</b>	<b>39.553</b>	<b>100</b>	<b>40.652</b>	<b>100</b>	<b>41.332</b>	<b>100</b>	<b>121.537</b>	<b>100</b>

(Nhóm bệnh cụ thể của từng chương xin tham khảo phụ lục)



**Nhận xét:** Chương XIII, IX, IV, X và VI là 05 chương có tỷ lệ cao nhất trong số bệnh nhân đến khám chữa bệnh ngoại trú. Chương XIII, IX, IV có xu hướng tăng lên theo thời gian trong khi chương X và chương VI xu hướng giảm dần.



Biểu đồ. Đồ thị biểu diễn sự thay đổi của 5 nhóm bệnh thường gặp nhất trong 3 năm (2018-2020)

**Nhận xét:** Biểu đồ trên cho thấy:

Xu hướng phát triển của 5 nhóm bệnh thường gặp nhất trong 3 năm:

Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết là nhóm bệnh có số bệnh nhân đến khám chữa bệnh nhiều nhất trong 3 năm, tổng số và tỷ lệ bệnh nhân ổn định ở các năm.

Bệnh của hệ tuần hoàn có số bệnh nhân giảm nhẹ ở năm 2019 và tăng trở lại ở năm 2020.

Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá tăng dần hàng năm.

Bệnh của hệ hô hấp giảm dần qua các năm.

Bệnh của hệ thống thần kinh tăng nhẹ ở năm 2019 và giảm mạnh ở năm 2020.

Bảng 2. Mười bệnh thường gặp tại khoa khám bệnh bệnh viện theo mã bệnh (theo thứ tự giảm dần)

Mã bệnh	2018		Mã bệnh	2019		Mã bệnh	2020	
	Số BN	%		Số BN	%		Số BN	%
I10	6.068	15,34	E10-E14	5.845	14,38	E10-E14	6.369	15,41
E10-E14	4.215	10,66	I10	4.330	10,65	I10	6.120	14,81
G45	3.114	7,87	G45	3.570	8,78	J20-J21	1.950	4,72
J20-J21	1.723	4,36	J20-J21	1.999	4,92	G45	1.499	3,63
J02-J03	1.317	3,33	K29	1.297	3,19	M06-M13	1.090	2,64
K29	1.047	2,65	J02-J03	1.129	2,78	K29	924	2,24
J00-J01	933	2,36	M06-M13	1.117	2,75	J02-J03	841	2,03
M06-M13	875	2,21	O10-O16	851	2,09	K71-K77	527	1,28
R10	563	1,42	H10-H13	443	1,09	R10	449	1,09
O10-O16	424	1,07	R10	361	0,89	H10-H13	448	1,08
Tổng số	20.279	51,27	Tổng số	20.942	51,52	Tổng số	20.217	48,91



I10	Tăng huyết áp nguyên phát
E10-E14	Đái tháo đường
G45	Cơn thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan
J20-J21	Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp
J02-J03	Viêm họng và viêm amidan cấp
K29	Viêm dạ dày và tá tràng
J00-J01	Viêm cấp đường hô hấp trên khác
M06-M13	Viêm khớp dạng thấp và viêm khớp khác
R10	Đau bụng và khung chậu
O10-O16	Phù nề, protein-niệu, tăng huyết áp, rối loạn thai nghén, đẻ và sau đẻ
H10-H13	Viêm kết mạc, tổn thương khác của kết mạc
K71-K77	Các bệnh khác của gan

**Nhận xét:** 10 bệnh thường gặp nhất ở các năm không khác nhau nhiều: Bệnh đái đường; Tăng huyết áp; Cơn thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan luôn có số người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú ngoài nhất, tiếp sau lần lượt là các nhóm bệnh: Viêm viêm khớp; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Viêm họng và viêm amidan,...

Số lượng BN Đái đường tăng dần hàng năm, các bệnh khác tăng giảm qua các năm

Các triệu chứng bệnh về Phù nề, protein-niệu; tăng huyết áp; rối loạn thai nghén, đẻ và sau đẻ tăng ở năm 2019 nhưng không gặp ở 10 bệnh thường gặp của năm 2020; ngược lại, các triệu chứng bệnh của gan xuất hiện từ năm 2020.

## BÀN LUẬN

Theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (ICD-10), chia làm 21 chương bệnh tật khác nhau, kết quả nghiên cứu chúng tôi ghi nhận được tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền và Phục hồi chức năng từ năm 2018-2020 như sau: Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết là nhóm thường gặp nhất chiếm

(22,58%); thứ hai là Bệnh của hệ tuần hoàn chiếm (18,48%); Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá chiếm (14,06%); kế tiếp là Bệnh của hệ hô hấp chiếm (9,73%); sau nữa là Bệnh của hệ thống thần kinh (9,70%);... Các bệnh hiếm gặp là các bệnh thuộc nhóm: Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khoẻ và tiếp xúc dịch vụ y tế; Một số bệnh xuất phát trong thời kỳ chu sinh; Di tật bẩm sinh, biến dạng bất thường về NST; Nguyên nhân bên ngoài của bệnh tật và tử vong; Thai nghén, sinh đẻ và hậu sản; Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và một số rối loạn liên quan tới cơ chế miễn dịch; Rối loạn tâm thần và hành vi.

Như vậy, bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết có xu hướng tăng dần và chiếm tỷ lệ cao nhất. Kết quả này tương đương so với mô hình bệnh tật chung của các bệnh viện Y học cổ truyền. So sánh kết quả nghiên cứu tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông Hà Nội giai đoạn 2010-2014 của Vũ Văn Hoàng cho thấy: tỷ lệ mắc nhóm bệnh này là 12,8% trong khi nhóm bệnh có tỷ lệ mắc cao nhất bệnh Các triệu chứng, dấu hiệu và những biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng bất thường không phân loại ở nơi khác 18,9% [2]. Tại các bệnh viện đa khoa Sơn Tây (2009-2013) của Phùng Văn Tân thì nhóm bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa chiếm cao nhất và có xu hướng tăng dần (21,66%) [3]. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Trung Kiên ở khối ngoại trú của bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hà Nam giai đoạn 2007-2011 thì tỷ lệ mắc các bệnh này là 32,25% [4]. Theo chúng tôi đây là đặc điểm chung ở các bệnh viện chuyên khoa Y học cổ truyền...

Đứng thứ hai là các bệnh thuộc nhóm Bệnh của hệ tuần hoàn với tỷ lệ trung bình 18,48%, nhưng theo nghiên cứu của Phùng Văn Tân là 4,43% (đứng thứ tám) [3]. Theo điều tra của Nguyễn Thanh Hồng thì bệnh này chiếm tỷ lệ cao nhất với 13,3% [5]. Có thể do tỷ lệ bệnh không lây nhiễm đang có xu hướng tăng lên ở nước ta, trong đó có



bệnh tăng huyết áp và một yếu tố quan trọng nữa là tại bệnh viện thực hiện khám chữa bệnh đa khoa cho người bệnh có thể BHYT ban đầu nên người bệnh lựa chọn.

Xếp sau hai nhóm bệnh trên là các bệnh thuộc Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá chiếm 14,06%. Theo Vũ Văn Hoàng là 12,3% [2]; kết quả nghiên cứu của Phùng Văn Tân là 21,66%. Như vậy, tỷ lệ bệnh về Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá ở Bệnh viện Y Dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ thấp hơn ở bệnh viện đa khoa và tương đương ở bệnh viện chuyên khoa Y học cổ truyền, số BN đến khám tại bệnh viện tăng dần, xu hướng này phù hợp với chính sách chung của cả nước về quản lý bệnh tật.

Thứ tự của 10 bệnh thường gặp nhất trong các năm không khác nhau nhiều: Bệnh đái đường; Tăng huyết áp; Cơ thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan luôn khám và điều trị ngoại trú ngoài nhất. Tiếp sau là các bệnh: Viêm khớp; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Viêm họng và viêm amidan,... Số lượng BN Đái đường tăng dần hàng năm, các bệnh khác tăng giảm qua các năm

Các triệu chứng bệnh về Phù nề, protein niệu; tăng huyết áp; rối loạn thai nghén, đẻ và sau đẻ tăng ở năm 2019 nhưng không gặp ở 10 bệnh thường gặp ở năm 2020; các triệu chứng bệnh của gan xuất hiện từ năm 2020.

Các bệnh hiếm gặp là các bệnh thuộc nhóm: dị tật, dị dạng bẩm sinh và bất thường NST; các bệnh khối u; bệnh máu, cơ quan tạo máu và một số rối loạn liên quan tới cơ chế miễn dịch. Không có nhóm bệnh nào không gặp trong 03 năm ở nghiên cứu này.

## KẾT LUẬN

Mô hình bệnh tật tại khoa Khám bệnh Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh

Phú Thọ có những nét tương đồng với các bệnh viện Y học cổ truyền khác.

+ Nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm tỷ lệ cao nhất trong 3 năm, chiếm 22,58%

+ Nhóm bệnh xếp thứ 2 là nhóm bệnh của hệ tuần hoàn chiếm 18,48%

+ Nhóm bệnh xếp thứ 3 là nhóm Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá chiếm 14,06%;

+ Các bệnh thường gặp: Bệnh đái đường; Tăng huyết áp; Cơ thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan luôn có số người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú ngoài nhất, tiếp sau lần lượt là các nhóm bệnh: Viêm khớp; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Viêm họng và viêm amidan,...

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế, (2000)**, Niên giám thống kê Y tế 2000.
2. **Vũ Văn Hoàng (2016)**, *Mô hình bệnh tật, nguồn lực và hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông Hà Nội giai đoạn 2010-2014* Luận văn Bác sĩ Chuyên khoa cấp II - Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội.
3. **Phùng Văn Tân (2015)**, *Nghiên cứu mô hình bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây từ năm 2009-2013*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
4. **Nguyễn Trung Kiên (2012)**, *Đánh giá nhu cầu khám chữa bệnh và tình hình hoạt động của Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hà Nam trong năm 2007-2011*, Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Y học cổ truyền, Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam.
5. **Nguyễn Thị Thanh Hồng (2004)**, *Nghiên cứu mô hình bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh qua báo cáo thống kê các Bệnh viện tuyến tỉnh trong 4 năm của tỉnh Ninh Bình*, Luận văn tốt nghiệp cử nhân Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội, tr.37-48.

**PHỤ LỤC**  
**Các chương bệnh theo phân loại ICD-10:**

Chương I	Bệnh nhiễm khuẩn và KST.
Chương II	Khối u.
Chương III	Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và một số rối loạn liên quan tới cơ chế miễn dịch.
Chương IV	Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá.
Chương V	Rối loạn tâm thần và hành vi.
Chương VI	Bệnh của hệ thống thần kinh.
Chương VII	Bệnh của mắt và phần phụ.
Chương VIII	Bệnh của tai và xương chũm.
Chương IX	Bệnh của hệ tuần hoàn.
Chương X	Bệnh của hệ hô hấp.
Chương XI	Bệnh của hệ tiêu hoá.
Chương XII	Bệnh da và mô dưới da.
Chương XIII	Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết.
Chương XIV	Bệnh của hệ sinh dục, tiết niệu
Chương XV	Thai nghén, sinh đẻ và hậu sản.
Chương XVI	Một số bệnh xuất phát trong thời kỳ chu sinh.
Chương XVII	Dị tật bẩm sinh, biến dạng bất thường về NST.
Chương XVIII	Các triệu chứng, dấu hiệu và những biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng bất thường không phân loại ở nơi khác.
Chương XIX	Chấn thương, ngộ độc, và một số hậu quả khác do nguyên nhân bên ngoài.
Chương XX	Nguyên nhân bên ngoài của bệnh tật và tử vong.
Chương XXI	Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khoẻ và tiếp xúc dịch vụ y tế.